

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA BÈ
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 9 năm 2022.

*“ V/v: Yêu cầu không công
nhận quan hệ vợ chồng và giải
quyết nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BÈ, TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nga

Bà Mã Thị Thương Oanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Bào Kim Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và giải quyết nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 24/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Anh Nông Văn D**, sinh năm 1980

- Bị đơn: **Chị Nông Thị Ng**, sinh năm 1980.

Đều trú tại: Thôn B, xã Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

(Đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nông Văn D trình bày:

Giữa nguyên đơn anh Nông Văn D và bị đơn là chị Nông Thị Ng có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2000, nhưng chúng tôi không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, cuộc sống của hai người ban đầu hạnh phúc, đến năm 2016 giữa hai người phát sinh mâu thuẫn và không sống cùng nhau kể từ đó cho đến nay. Nay anh Nông Văn D xác định tình cảm giữa hai người không còn, nên tôi yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi với chị Nông Thị Ng.

Về con chung, hai chúng tôi có hai người con chung là cháu Nông Thị L, sinh ngày 21/4/2001 và cháu Nông Thị M, sinh ngày 07/01/2007. Đối với con lớn Nông Thị L hiện nay cháu đã trưởng thành, nên tôi không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với cháu, còn cháu nhỏ Nông Thị M sinh năm 2007 đang ở cùng với mẹ và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho cháu ở cùng với mẹ và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nông Thị M.

Về tài sản chung và nợ chung, chúng tôi không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại bản tự khai của bị đơn chị Nông Thị Ng trình bày: Tôi với anh Nông Văn D có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2000, nhưng chúng tôi không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, cuộc sống của hai người ban đầu hạnh phúc, đến năm 2016 giữa hai người phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không sống cùng nhau từ đó cho đến nay. Nay xác định tình cảm giữa hai người không còn, anh Nông Văn D có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và anh Nông Văn D, tôi nhất trí.

Về con chung, hai chúng tôi có hai người con chung là cháu Nông Thị L, sinh ngày 21/4/2001 và cháu Nông Thị M, sinh ngày 07/01/2007. Đối với con lớn Nông Thị L hiện nay cháu đã trưởng thành, nên tôi không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với cháu, còn cháu nhỏ Nông Thị M sinh năm 2007 đang ở cùng với tôi và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho cháu ở cùng với tôi và tôi không yêu cầu anh Nông Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nông Thị M.

Về tài sản chung và nợ chung, chúng tôi không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Do vụ án thuộc trường hợp không được hòa giải về quan hệ hôn nhân, nên Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân. Tòa án chỉ tiến hành hòa giải về vấn đề nuôi con chung và các bên đều thống nhất. Theo quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình đối với trường hợp không có giấy đăng ký kết hôn mà xin Ly hôn thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung, nên Tòa án nhân dân huyện Ba Bể đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều giữ nguyên yêu cầu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình tố tụng, xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nông Văn D và chị Nông Thị Ng.

- Về con chung: Đối với con lớn là cháu Nông Thị L hiện nay cháu đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết; Đối với cháu nhỏ là cháu Nông Thị M sinh ngày 07/01/2007, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết giao cho chị Nông Thị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Nông Văn D không phải đóng góp phí tổn cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nông Văn D và chị Nông Thị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí anh Nông Văn D phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Anh Nông Văn D và chị Nông Thị Ng đều có nơi cư trú tại thôn B, xã Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn anh Nông Văn D và bị đơn là chị Nông Thị Ng có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2000, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, cuộc sống của hai người ban đầu hạnh phúc, đến năm 2016 giữa hai người phát sinh mâu thuẫn và không sống cùng nhau cho đến nay. Nay tình cảm của hai người không còn, nên anh Nông Văn D yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Nông Thị Ng.

Theo quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình tại khoản 1 Điều 9 có quy định như sau: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”

Việc anh Nông Văn D và chị Nông Thị Ng chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về Hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình : “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.....” do vậy giữa anh D và chị Ng không được pháp luật công nhận là vợ chồng, nay anh chị có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, cho nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xem xét theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh Nông Văn D và chị Nông Thị Ng có hai người con chung là cháu Nông Thị L, sinh ngày 21/4/2001 và cháu Nông Thị M, sinh ngày 07/01/2007, các cháu đều phát triển bình thường. Đối với cháu Nông Thị L, sinh ngày 21/4/2001 hiện nay cháu đã trên 18 tuổi, nên Tòa án không xem xét giải quyết đối với cháu. Đối

với cháu Nông Thị M sinh ngày 07/01/2007 hiện nay đang ở cùng với mẹ và nguyện vọng của cháu là được ở cùng mẹ và anh Nông Văn D cũng đề nghị giao con chung Nông Thị M cho chị Nông Thị Ng chăm sóc và bản thân chị Nông Thị Ng cũng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho cháu ở cùng với mẹ và không yêu cầu anh Nông Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nông Thị M, xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng và để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, thấy rằng yêu cầu của chị Nông Thị Ng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Nông Thị M, đồng thời phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Chị Nông Thị Ng không yêu cầu anh Nông Văn D cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nông Văn D và chị Nông Thị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nông Văn D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 206; Điều 208; Điều 273/Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 53; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nông Văn D:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nông Văn D và chị Nông Thị Ng là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung là Nông Thị M, sinh ngày 07/01/2007 cho chị Nông Thị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị Ng không yêu cầu anh Nông Văn D cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nông Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nông Văn D và chị Nông Thị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nông Văn D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0001062 ngày 01/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận anh Nông Văn D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- Các đương sự;
- UBND xã Chu Hương;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Hùng